

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09 /2018/ HSST
Ngày: 29-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Thanh Văn

Ông Hoàng Văn Tấn

-Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2017/HSST ngày 16/11/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST ngày 15 tháng 01 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T- sinh năm 1994; HKTT và chỗ ở: thôn Kh- xã T- huyện L- tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn B - sinh năm 1967, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ đẻ: Trần Thị T- sinh năm 1969, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Vợ: Hoàng Thị X- sinh năm 1992, Nghề nghiệp: Công nhân; Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Anh em: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Không tố giác tội phạm*"; Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trịnh Văn L- sinh năm 1994; HKTT: thôn Kh- xã T - huyện L - tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Trịnh Văn V- sinh năm 1960, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ đẻ: Ngô Thị Nh- sinh năm 1966, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Vợ,

con: chưa có; Anh chị em: Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 01/11/2017; Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Anh Bùi Văn Ph1; sinh năm 1991. (vắng mặt)

TQ: Thôn H; xã N; huyện T; tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Hoàng Công M; Sinh năm 1977 (vắng mặt)

TQ: Thôn N; xã Q; huyện V; tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Văn Ph2; sinh năm 1989 (vắng mặt)

TQ: HKTT: thôn Kh- xã T- huyện L- tỉnh Bắc Giang.

2. Anh La Văn Tr; sinh năm 1988 (vắng mặt)

TQ: Thôn Đ; xã T; huyện L; tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu nên khoảng đầu tháng 9 năm 2017, Nguyễn Văn T- sinh năm 1994 ở thôn Kh; xã T; huyện L; tỉnh Bắc Giang đã rủ Trịnh Văn L- sinh năm 1994 ở thôn Kh; xã T; huyện L; tỉnh Bắc Giang đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trong thời gian từ ngày 10/9/2017 đến ngày 13/9/2017, T và L đã thực hiện hai vụ trộm cắp xe máy, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 10/9/2017, T rủ L đi trộm cắp tài sản, sau đó L mượn xe mô tô của bạn cùng thôn là anh Trần Văn Ph2- sinh năm 1989 chở T từ nơi trọ của L ở thị trấn V- huyện L xuống thôn T- xã Q- huyện V nơi trước đây T làm phu hồ, xem ai để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến nhà đang xây của anh Trần Văn B- sinh năm 1956 ở thôn T- xã Q- huyện V- tỉnh Bắc Giang thấy trong nhà có nhiều xe máy không có người trông coi, T bảo L dừng xe lại để T vào trộm cắp xe, còn L đứng ngoài canh giới. T một mình đi bộ vào trong, đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng biển kiểm soát 98B1-517.80 của anh Bùi Văn Ph1- sinh năm 1991 ở thôn H- xã N- huyện T- tỉnh Bắc Giang đang làm thợ xây để ở đó, dùng chiếc vạm phá khóa hình chữ L mang theo từ trước cho vào ổ khóa điện vặn mở khóa, nổ máy điều khiển xe đến chỗ L đang đứng đợi, vẫy tay ra hiệu cho L đi theo. Sau đó, T và L mỗi người điều khiển một xe về phòng trọ của L ở huyện L, tại đây L tháo biển số xe vứt đi, trà đục lại số khung, số máy và sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại.

Ngày 02/10/2017, anh Ph1 làm đơn trình báo Công an huyện V.

Ngày 06/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã tiến hành định giá và kết luận xe mô tô nhãn hiệu hon da Wave màu trắng, biển kiểm soát 98B1- 517.80 trị giá: 10.000.000đồng .

Ngày 01/11/2017, L đến Công an huyện V đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, không đeo biển kiểm soát, số khung, số máy đã bị trà đục.

Đôi với anh Trần Văn Ph2 cho L mượn xe mô tô nhưng anh không biết L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 29/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên trả lại anh Bùi Văn Ph1 chiếc xe mô tô trên, anh Ph1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 13/9/2017, T và L rủ nhau đi trộm cắp xe máy, L điều khiển xe mô tô trộm cắp được ngày 10/9/2017 chở T từ phòng trọ của L ở thị trấn V- huyện L xuống thôn N- xã Q- huyện V. Khoảng 20 giờ cùng ngày, đến nhà anh Hoàng Công M- sinh năm 1977 ở thôn N- xã Q- huyện V quan sát thấy cửa nhà mở ở trong nhà có để xe mô tô nhãn hiệu hon da Wave màu xanh biển kiểm soát 98B2- 880.35 không có người trông coi, L điều khiển xe đi qua nhà anh M rồi đỗ lại, lúc này T xuống xe đi bộ vào chỗ để xe, lấy chiếc vạm phá khóa mang theo từ trước vặn mở khóa điện, nổ máy điều khiển xe đi qua chỗ L đứng đợi, thấy vậy L điều khiển xe đi theo T, cả hai về phòng trọ của L. Tại đây, T và L tháo biển số xe, sau đó T gọi điện thoại cho anh La Văn Tr- sinh năm 1988 ở thôn Đ- xã T- huyện L- tỉnh Bắc Giang hỏi có mua xe mô tô nhập lậu với giá 4.000.000đồng không, anh Tr đồng ý mua, T hẹn anh Tr ra thị trấn Ch- huyện L. Sau đó T và L mỗi người điều khiển một xe mô tô đến thị trấn Ch- huyện L gặp anh Tr, trên đường đi T rút biển số xe đi không nhớ rút chỗ nào, T bán cho anh Tr chiếc xe mô tô 98B2- 880.35 với giá 4.000.000đồng, số tiền bán xe T đưa cho L 1.500.000đồng L chi tiêu cá nhân hết, số còn lại 2.500.000đồng T cầm và chi tiêu cá nhân hết 800.000đồng, còn lại 1.700.000đ đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra khi đầu thú.

Ngày 03/10/2017, anh Hoàng Công M làm đơn trình báo Công an huyện V.

Ngày 03/10/2017, T đến Công an huyện V đầu thú và giao nộp 01 ví da bên trong có 1.700.000đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T.

Ngày 04/10/2017, anh La Văn Tr giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da loại Wave, màu sơn xanh, xe không đeo biển kiểm soát số máy HC12E7411003, số khung 1254FY410996.

Ngày 06/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã tiến hành định giá và kết luận xe mô tô nhãn hiệu hon da Wave màu xanh, biển kiểm soát 98B2- 880.35 trị giá: 18.900.000đồng.

Đối với anh La Văn Tr khi mua xe mô tô của T không biết là xe do T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc vam T sử dụng để phá khóa hai xe mô tô trên, T khai mua tại một cửa hàng ở thị trấn Ch- huyện L- tỉnh B, không nhớ cửa hàng nào. Hiện chiếc vam này T đã làm rơi mất, không biết rơi mất thời gian nào, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động, T dùng để liên lạc với anh Tr, T khai không biết rơi mất ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Đối với hai biển số xe máy T và L đã tháo vứt đi, không nhớ vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 19/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trả lại anh Hoàng Công M chiếc xe mô tô trên, không yêu cầu bị can phải bồi thường gì.

Anh La Văn Tr không yêu cầu T phải trả lại anh số tiền 4 triệu đồng đã bỏ ra mua xe.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số 06/KSĐT ngày 21/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng, không oan. Các bị cáo nhận thức được hành vi là sai, vi phạm pháp luật nên các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 58; điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 03/10/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 58; điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Trịnh Văn L từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 01/11/2017.

Về vật chứng; Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 – Bộ luật hình sự năm 2015. Áp dụng điểm b,c khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 – Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 1.700.000 đồng của bị cáo

Tịch thu tiêu hủy 01 ví da màu đen của bị cáo.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc các phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có lời khai trong hồ sơ,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xác định: Khoảng đầu tháng 9 năm 2017, Nguyễn Văn T- sinh năm 1994 ở thôn Kh; xã T; huyện L; tỉnh Bắc Giang đã rủ Trịnh Văn L- sinh năm 1994 ở thôn Kh ; xã T; huyện L; tỉnh Bắc Giang đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Từ ngày 10/9/2017 đến ngày 13/9/2017, T và L đã thực hiện hai vụ trộm cắp xe máy, cụ thể:

Vụ thứ 01: Khoảng 13 giờ 30 ngày 10/9/2017, tại nhà đang xây của ông Trần Văn B- sinh năm 1956, trú quán: thôn T; xã Q; huyện V; tỉnh Bắc Giang, T cùng với L đã lén lút trộm cắp một xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, biển kiểm soát 98B1- 517.80 trị giá: 10.000.000đồng (mười triệu đồng) của anh Bùi Văn Ph1- sinh năm 1991, HKTT: thôn H; xã N; huyện T; tỉnh Bắc Giang. Chiếc xe này, L tháo biển số xe vứt đi, trà đục số khung, số máy để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Vụ thứ 02: Khoảng 20 giờ ngày 13/9/2017, tại nhà của anh Hoàng Công M- sinh năm 1977, trú quán: thôn N; xã Q; huyện V; tỉnh Bắc Giang, T cùng với L đã lén lút trộm cắp xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 98B2- 880.35 trị giá 18.900.000đồng (mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) của anh M. Sau đó, T cùng với L bán chiếc xe mô tô trên cho anh La Văn Tr- sinh năm 1988 ở thôn Đ; xã T; huyện L; tỉnh Bắc Giang được 4.000.000đồng. Số tiền này T cầm 2.500.000đồng, ăn tiêu 800.000đồng, số tiền còn lại 1.700.000đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra khi lên đầu thú, T đưa cho L 1.500.000đồng, số tiền này L ăn tiêu cá nhân hết.

Do vậy, bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 21/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 - Bộ luật hình sự năm 1999. (Hiện nay theo khoản 1 điều 173 – Bộ luật hình sự năm 2015) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an nơi bị cáo gây án. Đồng thời gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét về vai trò thì thấy: Bị cáo T có vai trò chính, bởi bị cáo là người đủ L thực hiện hành vi. Ngoài ra bị cáo là người trực tiếp vào trộm cắp tài sản, và được hưởng lợi nhiều hơn L, sau T là L bởi khi T đủ đi bị cáo cũng tích cực thực hiện hành vi cùng T và L sử dụng xe trộm cắp được.

Xét về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có tình tiết tăng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần thuộc điểm g khoản 1 điều 52 – BLHS năm 2015.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy cần phân tích đánh giá như sau:

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với các bị cáo. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Tài sản bị trộm cắp được thu hồi và một phần bị cáo đã nộp lại và trả lại đầy đủ cho người bị hại. Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét tình tiết khác: Bị cáo T ngày 22/5/2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “không tố giác tội phạm” nay lại phạm tội.

Qua đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của các bị cáo cần cảnh ly xã hội mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng trở thành người công dân tốt về sau này theo quy định tại điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ.

***Về vật chứng:**

Đối với 01 chứng minh nhân dân thu giữ của bị cáo, đây là vật chứng không liên quan tới việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo. Số tiền 1.700.000 đồng là tiền do

phạm tội mà có cần được tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 ví da thu giữ của bị cáo, đây là tài sản không có giá trị, mặt khác tại phiên tòa bị cáo đề nghị tịch thu để tiêu hủy là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 47 – Bộ luật hình sự năm 2015. Áp dụng điểm b,c khoản 2; điểm a, b khoản 3 điều 106 – Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

***Về trách nhiệm dân sự:**

Ngày 29/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trả lại anh Bùi Văn Ph1 chiếc xe mô tô trên, anh Ph1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 19/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trả lại anh Hoàng Công M chiếc xe mô tô trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh La Văn Tr không yêu cầu T phải trả lại anh số tiền 4 triệu đồng đã bỏ ra mua xe là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Toà án cần áp dụng Áp dụng khoản 2 điều 135 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

*** Về áp dụng điều luật và hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 58; điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 58; điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn L 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Về vật chứng; Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 – Bộ luật hình sự năm 2015. Áp dụng điểm b,c khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 – Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền đã thu 1.700.000 đồng của bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 ví da màu đen của bị cáo.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 điều 135 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Buộc quy định về án phí, lệ phí

Buộc Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

***Quyền kháng cáo:** Áp dụng điều 331; 332 và điều 333 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho các bị cáo có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Công an huyện V;
- Sở tư pháp Bắc Giang.
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu: VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Văn Huyền